

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2022

V/ v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Dung.
2. Ông Đinh Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hương Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vi Thị T, sinh năm 1994 (Có mặt)

HKTT: Xóm N, xã T, huyện H, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

HKTT: Xóm Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang lao động xuất khẩu tại nước Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn H được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào tháng 12 năm 2012. Anh chị có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng cùng chung sống với bố mẹ chồng tại xóm Đ, xã T, huyện H, cuộc sống vui vẻ, hòa thuận. Đến cuối năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên tranh cãi nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm N, xã T, tỉnh Thái Nguyên ở, vợ chồng sống ly thân từ đó. Năm 2015, chị được biết anh H sang nước Y để lao động xuất khẩu. Về địa chỉ hiện nay (ở nước ngoài) của anh H, chị xác định anh H không cho chị biết và cả gia đình nhà anh H cũng không biết. Từ khi anh H sang Malaysia, anh cũng không hề liên lạc gì với chị nên chị không có địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Hiện nay vợ chồng không có sự liên lạc và quan tâm đến nhau, anh H cũng không có trách nhiệm gì với gia đình, bỏ mặc vợ, con. Chị xác định tình cảm giữa vợ chồng đã không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Thị Vi U, sinh ngày 29/11/2013. Hiện cháu U đang ở cùng chị T. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với bà Âu Thị V, sinh năm 1953; địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện H tỉnh Thái Nguyên là mẹ của anh Hoàng Văn H, xác định được: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, bà có thông tin cho anh H được biết việc chị T đang yêu cầu xin ly hôn với anh thì anh H có gọi điện trực tiếp về trao đổi lại: *“Về quan hệ hôn nhân xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, chị T bỏ về nhà ngoại ở. Hiện vợ chồng không còn liên lạc, không còn tình cảm. Nay chị T xin ly hôn anh nhất trí. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Thị Vi U như chị Thủy khai là đúng. Khi ly hôn anh H nhất trí để chị T được nuôi con, chị T không yêu cầu cấp dưỡng anh đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị. Hiện anh đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật”*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 6748/QLXNC-P5 ngày 01/4/2022 của Công an tỉnh Thái Nguyên xác định anh Hoàng Văn H đã xuất cảnh ngày 29/5/2015 qua cửa khẩu nội bài, hiện chưa có

thông tin nhập cảnh trở lại. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Vi Thị T chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của anh H ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh H ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh H là bà Âu Thị V, có đủ căn cứ xác định anh H vẫn liên hệ với bà nhưng bà cũng không cung cấp được địa chỉ của anh H và anh H cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng bà V cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của anh H ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa chị Vi Thị T và anh Hoàng Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo chị T khai: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hòa thuận. Đến cuối năm 2013, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên tranh cãi nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Đến năm 2014 anh H đi Malaysia để lao động xuất khẩu. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Phía bị đơn anh H, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (mẹ của anh H), anh cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ trước, không thể hòa giải nên chị T mới bỏ về nhà ngoại ở. Sau đó, anh H đã đi lao động xuất khẩu tại nước Y. Hiện nay hai vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau, chị T xin ly hôn anh nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa chị T và anh H đã không còn tình cảm vợ chồng, sự quan tâm và thương yêu nhau không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, anh chị đều nhất trí xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Hoàng Thị Vi U, sinh ngày 29/11/2013 chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng và thông qua đại diện thân nhân của anh H, anh H cũng nhất trí để chị T trực tiếp nuôi con, do hiện nay

anh đang ở nước ngoài không thể chăm sóc cho con chung được. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao thấy cần tiếp tục giao con chung là Hoàng Thị Vi U, sinh ngày 29/11/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế đảm bảo mọi mặt của con chung khi cha mẹ ly hôn và nguyện vọng của cháu Hoàng Thị Vi U được thể hiện tại bản tự khai ngày 01/7/2022, cũng như quy định của pháp luật tại Điều 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, anh H nhất trí vì bản thân anh hiện đang lao động xuất khẩu tại nước ngoài nên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình. Tạm hoãn phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H vì chị T không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Phía anh H không có lời khai bằng văn bản, thể hiện ý kiến, quan điểm của mình nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3] Án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh H; Giao cháu Hoàng Thị Vi U, sinh năm 2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H vì chị T không yêu cầu; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Vi Thị T. Chị Vi Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Thị Vi U, sinh ngày 29/11/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H do chị T không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Vi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000095 ngày 20/4/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh H được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thủy